



mǎ xì tuán

马戏团

noun · circus

Example Sentences

Mǎ xì tuán lái chéng lǐ biǎo yǎn le

马戏团来城里表演了。

The circus came to perform in the city.

Hái zǐ men xǐ huān kàn mǎ xì tuán de dòng wù

孩子们喜欢看马戏团的动物。

Children like to watch the circus animals.

Trace each character, then write the word on your own.

马 马 马 马 马 马

戏 戏 戏 戏 戏 戏 戏 戏 戏

团 团 团 团 团 团 团 团 团